

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

---

**Tháng 8 năm 2015**

**MỤC LỤC:**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC	09 - 51

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Đặng Vũ Hùng	Chủ tịch	Trúng cử ngày 25/4/2015
Ông Dương Khuê	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 24/4/2015
Ông Nguyễn Song Hải	Ủy viên	
Ông Trần Việt	Ủy viên	

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Song Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Lê Hùng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Trí Sơn	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Tứ	Giám đốc điều hành

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ NỘI**  
Số 25, Ngõ 13, Đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

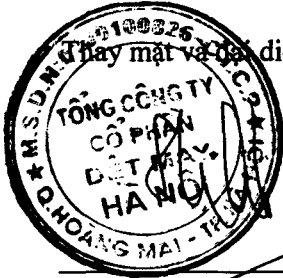
---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Song Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Số: ~~148~~ /2015/BCTC-VAHP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 27/8/2015, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con, công ty liên kết sử dụng để hợp nhất chưa được soát



**Nguyễn Thị Hoa**  
Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0804-2013-055-1

**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2015

**Vũ Hoài Nam**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1436-2013-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>620.982.910.202</b>	<b>642.666.848.945</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>96.107.285.098</b>	<b>69.081.696.853</b>
1. Tiền	111	05	26.107.285.098	31.081.696.853
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	38.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>241.961.066.458</b>	<b>240.243.522.365</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	06	145.820.339.075	168.166.983.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		93.101.080.022	70.918.876.957
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	07	3.873.131.136	5.278.792.295
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	09	(4.113.364.298)	(4.121.130.101)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		279.880.523	-
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>264.738.983.178</b>	<b>297.950.617.505</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	278.892.258.271	317.372.827.387
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	11	(14.153.275.093)	(19.422.209.882)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.175.575.468</b>	<b>35.391.012.222</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.363.130.048	2.731.320.028
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.892.865.254	32.567.960.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		91.731.587	91.731.587
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		827.848.579	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>933.856.071.732</b>	<b>931.281.223.862</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>755.765.924.728</b>	<b>771.708.388.475</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	645.624.148.894	660.258.712.923
- Nguyên giá	222		1.127.966.669.172	1.113.350.062.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(482.342.520.278)	(453.091.349.314)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	110.141.775.834	111.449.675.552
- Nguyên giá	228		117.349.089.867	117.349.089.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.207.314.033)	(5.899.414.315)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.173.588.556</b>	<b>27.800.925.829</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	28.173.588.556	27.800.925.829
<b>V- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>122.625.049.312</b>	<b>123.393.951.991</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	08	79.547.121.278	80.316.023.957
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	08	45.510.000.000	45.510.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.432.071.966)	(2.432.071.966)
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.291.509.136</b>	<b>8.377.957.567</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	26.474.240.228	7.497.821.819
5. Lợi thế thương mại	269	15	817.268.908	880.135.748
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.554.838.981.934</b>	<b>1.573.948.072.807</b>


Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
(Dạng đầy đủ)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN/DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>1.255.489.008.645</b>	<b>1.278.837.191.932</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>876.662.305.666</b>	<b>889.272.688.350</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	68.935.056.442	129.686.364.837
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.745.007.413	5.832.541.632
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.589.444.534	5.357.597.263
4. Phải trả người lao động	314		28.381.224.086	48.467.142.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	100.264.461.519	110.530.936.094
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	68.294.254.601	48.184.074.756
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	563.005.506.448	513.807.458.455
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.447.350.623	27.406.573.141
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>378.826.702.979</b>	<b>389.564.503.582</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		163.400.000	163.400.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	255.068.080.885	256.968.707.751
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	3.859.201.141	11.491.866.162
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	118.102.596.909	119.291.005.625
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.633.424.044	1.649.524.044
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410)	<b>400</b>		<b>299.349.973.289</b>	<b>295.110.880.875</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>299.349.973.289</b>	<b>295.110.880.875</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	205.000.000.000	205.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		205.000.000.000	205.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	37.083.270.564	28.554.048.479
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	2.537.523.184	2.537.523.184
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	29.540.648.648	33.542.812.319
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.722.836.196	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.817.812.452	
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		25.188.530.893	25.476.496.893
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.554.838.981.934</b>	<b>1.573.948.072.807</b>

Người lập biểu

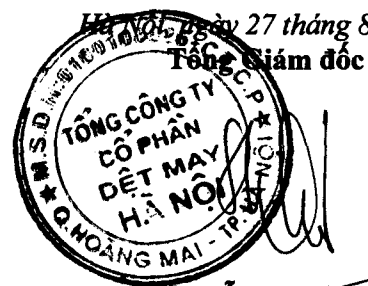


Đỗ Minh Sơn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương



Nguyễn Song Hải

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

Mẫu số B 02a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	737.618.941.862	814.995.637.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	5.991.175.593	5.274.059.740
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	731.627.766.269	809.721.578.041
4. Giá vốn hàng bán	11	26	634.715.537.528	717.877.385.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		96.912.228.741	91.844.192.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.853.393.282	4.070.938.114
7. Chi phí tài chính	22	28	27.019.813.611	25.898.131.825
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.421.503.118	22.757.222.334
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.366.310.734	-
8. Chi phí bán hàng	25		23.392.994.518	22.767.802.964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		21.049.477.007	28.273.679.974
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22+24-25-26)	30		29.669.647.621	18.975.516.266
12. Thu nhập khác	31	29	10.922.634.406	602.550.135
13. Chi phí khác	32	29	7.581.023.455	163.385.536
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	3.341.610.951	439.164.599
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		33.011.258.572	19.414.680.865
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	6.626.887.286	5.198.987.912
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	235.947.831	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.148.423.455	14.215.692.953
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		24.162.706.185	11.073.075.786
20. Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		1.985.717.270	3.142.617.167
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.179	540
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.179	540

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc





Đỗ Minh Sơn

Lê Thị Thu Hương

Nguyễn Song Hải



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

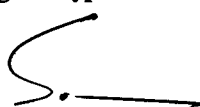
Mẫu số B 03a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		758.939.211.642	639.015.625.070
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(576.319.110.725)	(585.570.750.973)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(124.890.924.181)	(107.437.266.029)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(14.859.807.671)	(21.177.327.203)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18	(5.033.888.693)	(9.591.557.687)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		63.110.565.114	333.780.953.046
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(64.852.939.531)	(455.320.998.709)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.093.105.955</b>	<b>(206.301.322.485)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.653.868.653)	(24.043.324.729)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	292.095.763
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.018.494.836)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.018.494.836	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.007.688.955	2.005.804.721
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.646.179.698)</b>	<b>(21.745.424.245)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		687.975.965.414	846.132.069.138
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(667.148.995.729)	(649.962.638.404)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.313.045.147)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.513.924.538</b>	<b>196.169.430.734</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>26.960.850.795</b>	<b>(31.877.315.996)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>69.081.696.853</b>	<b>112.046.313.979</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		64.737.450	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>96.107.285.098</b>	<b>80.168.997.983</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Người lập biểu

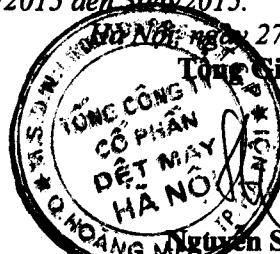


Đỗ Minh Sơn

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương



Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (gọi tắt là "Tổng công ty") được thành lập theo Quyết định số 04/2007/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 11/01/2007 về việc thành lập Tổng công ty Dệt - May Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại Công ty Dệt - May Hà Nội thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100826 ngày 22/01/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 18/01/2011, thay đổi lần thứ hai ngày 22/8/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 02/02/2012, thay đổi lần thứ tư ngày 19/11/2013, thay đổi lần thứ năm ngày 18/12/2013, thay đổi lần thứ sáu ngày 21/8/2014, thay đổi lần thứ bảy ngày 05/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 205.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Xây dựng nhà dành cho sản xuất công nghiệp;
- Lập dự án đầu tư và xây dựng nhà, văn phòng cho thuê (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Quản lý, khai thác, kinh doanh các dịch vụ trong khu chung cư, khu đô thị, khu dân cư tập trung;
- Quản lý, khai thác, kinh doanh bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, hệ thống điện lạnh, thiết bị phụ trợ công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ đào tạo, đào tạo công nhân kỹ thuật;
- Dịch vụ khoa học, công nghệ;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh siêu thị;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí;
- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện ô tô;
- Vận tải hành khách bằng phương tiện ô tô;
- Kinh doanh kho vận;
- Sản xuất nguyên liệu bông, xơ, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm, thiết bị, máy móc công nghệ, vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng; sản xuất các loại sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, bao bì ngành may;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Kinh doanh nguyên liệu bông, xơ, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm, thiết bị, máy móc công nghệ, vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng; kinh doanh các loại sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, bao bì ngành may;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu bông, xơ, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm, thiết bị, máy móc công nghiệp, vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng; xuất nhập khẩu các loại sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, bao bì ngành dệt may;
- Môi giới thương mại.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại: số 25 ngõ 13 đường Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

**Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty bao gồm:**

***Đơn vị hạch toán báo số:***

- Chi nhánh Tổng công ty Dệt May Hà Nội - Cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Vinh được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu số 2713000222 ngày 07/4/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp. Địa chỉ: Số 33 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

***Các đơn vị hạch toán riêng:***

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 147/QĐ/DMHN-TGD ngày 28/02/2011 của Tổng Giám đốc. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100826-017 đăng ký lần đầu ngày 14/3/2011, thay đổi lần thứ hai ngày 26/3/2013, thay đổi lần thứ ba ngày 24/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp. Địa chỉ: Km 12 Quốc lộ 18, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Nam Đàn được thành lập theo Quyết định số 244/QĐ-DMHN-TGD ngày 14/12/2012 của Hội đồng quản trị. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 01011100826-003 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp. Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Nam Giang, Xã Nam Giang, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Hà Nam được thành lập theo Quyết định số 53/2014/QĐ-HĐQT ngày 06/6/2014 của Hội đồng quản trị. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100826-018 đăng ký lần đầu ngày 18/6/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng Văn II, Xã Bạch Thượng, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Các công ty con của Tổng công ty tại 30/6/2015 và 01/01/2015 bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan	Số 33 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	75,58	75,58	75,58
Công ty CP May Halotexco	Số 100 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	77,40	77,40	77,40
Công ty CP TM Hải Phòng - Hanosimex	Số 226 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng	51,07	51,07	51,07
Công ty CP May Hải Phòng - Hanosimex	Số 226 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng	60,21	60,21	60,21
Công ty CP Thời trang Hanosimex	Số 01, 02, 03 Khu nhà ở Bắc Hà, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	65,00	65,00	65,00
Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	100,00	100,00	100,00

**Tổng số các công ty con:**

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01 (Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex đang làm thủ tục giải thể căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/5/2013 nên không thực hiện hợp nhất). Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex đã thanh lý toàn bộ tài sản cố định, tổng tài sản đến ngày 31/12/2013 là 147.434.380 VND. Trong năm 2015, công ty này không hoạt động sản xuất kinh doanh do đó công ty mẹ xác định việc không hợp nhất là không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của toàn Tổng Công ty.

**Các công ty con bao gồm:**

**Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan**

Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan được thành lập theo Quyết định số 3795/QĐ-BCN ngày 16/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dệt may Hoàng Thị Loan thành Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan trực thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703000786 ngày 18/01/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 23/02/2011, thay đổi lần thứ tư ngày 11/01/2013, thay đổi lần thứ năm ngày 18/8/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ: 33.600.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: dịch vụ cho thuê nhà ở, nhà trọ;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: sản xuất, mua bán sản phẩm sợi, dệt;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên, phụ liệu ngành dệt may;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất sợi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 33 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

**Chi nhánh của Công ty**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-TCHC ngày 22/4/2008 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0113024263 ngày 22/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Năm 2014, Chi nhánh đã tạm thời dừng hoạt động.

**Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh:**

- Mua bán sản phẩm sợi, dệt, may công nghiệp;
- Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên, phụ liệu ngành dệt may;
- Kinh doanh dịch vụ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Kinh doanh bất động sản.

Địa chỉ Chi nhánh: số 9, ngách 17, ngõ 281, đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

**Công ty Cổ phần May Halotexco**

Công ty Cổ phần May Halotexco được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2901087962 ngày 02/6/2009; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/7/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ là 3.500.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HALOTEXCO.

Tên giao dịch tiếng Anh: HALOTEXCO GARMENT JOINT STOCK COMPANY.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Sản xuất sợi; sản xuất các sản phẩm dệt may; bán buôn các sản phẩm sợi, dệt may, vật tư ngành in, thêu; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; kinh doanh khách sạn; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 100 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex**

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng - Hanosimex hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003010 lần đầu ngày 12/4/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 09/5/2007, thay đổi lần thứ ba ngày 27/10/2010, thay đổi lần thứ tư ngày 09/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Đại lý, dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); bán buôn nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, thuốc nhuộm và sản phẩm ngành dệt may, thủ công mỹ nghệ, hải sản;
- Bán buôn thực phẩm; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán ô tô, xe máy; cho thuê ô tô;
- Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Khách sạn, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 226 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng.

**Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex**

Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0203005506 ngày 14/7/2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 14/6/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200945714 thay đổi lần thứ hai ngày 27/7/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 25/9/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ: 2.500.0000.000 VND

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Bán buôn hàng may mặc;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: bán buôn bông, bông xơ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn vải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giấy dép;
- Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất vải dệt thoi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 226 Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/5/2013 thông qua phương án giải thể hoặc phá sản Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex và giao cho Hội đồng quản trị cùng cơ quan điều hành triển khai lựa chọn hình thức, thời gian hợp lý làm thủ tục. Đồng thời, sau thời điểm 30/6/2013, Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex đã thanh lý toàn bộ Tài sản cố định và Hàng tồn kho để dừng hoạt động.

***Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex***

Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103025877 ngày 17/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/3/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21/7/2011; đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 12/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

***Ngành nghề kinh doanh:***

- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- In ấn;
- Thiết kế, xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu sản phẩm may thời trang, quản lý dịch vụ nhượng quyền thương hiệu trong và ngoài nước. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Tổ chức, tư vấn và cung cấp dịch vụ tổ chức quảng cáo hội chợ, trình diễn thời trang và các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước, nước ngoài (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: sản xuất nguyên phụ liệu, sản phẩm thời trang và các sản phẩm dệt may, da giày;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, sản phẩm thời trang và các sản phẩm dệt may, da giày;
- Thiết kế nguyên phụ liệu may, bao bì, nhãn hiệu và sản phẩm lĩnh vực thời trang dệt may, da giày.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 01, 02, 03 Khu nhà ở Bắc Hà, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

**Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex**

Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0700462698 ngày 20/01/2010, đăng ký thay đổi lần hai ngày 15/4/2010, đăng ký thay đổi lần ba ngày 30/8/2011. Theo đó:

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH MTV HÀ NAM - HANOSIMEX.

Tên Công ty viết tắt: HANOSIMEX HÀ NAM.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND.

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sản phẩm dệt may, nguyên liệu, phụ liệu, thiết bị, phụ tùng bao bì thuộc ngành dệt may;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên liệu bông xơ, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm, thiết bị, máy móc công nghiệp, vật liệu điện, điện tử, nhựa, cao su, các mặt hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ đào tạo, đào tạo công nhân kỹ thuật, dịch vụ khoa học công nghệ, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt thiết bị công nghiệp, hệ thống điện lạnh, thiết bị phụ trợ công nghiệp và dân dụng;
- Hợp tác, khai thác nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Đồng Văn II, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

Theo thông báo số 01/TB-NSHC ngày 20/6/2014, Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội đã thành lập Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội tại Đồng Văn - Hà Nam kể từ ngày 20/6/2014 và tiến hành giải thể Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Các công ty liên kết của Tổng công ty tại 30/6/2015 và 01/01/2015 bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	Lô 2,3,4 KCN Đồng Văn II, Xã Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam	44,03	44,03	44,03
Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	Thôn 2, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Hà Nội	28,98	28,98	28,98
Công ty CP Dệt kim Vinatex	KCN Dệt may Phố Nối B, Xã Nghĩa Hiệp, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	36,84	36,84	36,84
Công ty CP Vinatex - Hồng Lĩnh	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Nam Hồng, Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	38,81	38,81	38,81
Công ty CP Coffee Indochina	Số 20 Lĩnh Nam, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	33,40	33,40	33,40

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là một giai đoạn hoạt động của năm tài chính 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do công ty mẹ kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty nhận đầu tư.

Tất cả giao dịch và số dư giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được giả định là đã thực hiện hết trong kỳ.

Công ty Cổ phần May Hải Phòng - Hanosimex đang làm thủ tục giải thể và Công ty Cổ phần Coffee Indochina đang tạm dừng hoạt động nên không thực hiện hợp nhất.

#### **4.3 Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính: là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính (21.780 VND/USD). Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính (21.840 VND/USD). Đối với các khoản ngoại tệ của vay và nợ thuê tài chính thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá bán của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản cho vay:***

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn). Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

***Đầu tư vào công ty liên kết:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:***

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu tại thời điểm góp vốn theo giá gốc. Giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại 30/6/2015 bằng giá gốc cộng (+) giá trị tăng thêm do đánh giá lại khi cổ phần hóa.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác):***

Là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư tại 31/12/2014. Báo cáo tài chính dùng để xác định phần sở hữu là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của bên nhận đầu tư đã được kiểm toán.

**4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, như cổ tức và lợi nhuận được chia, các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại...

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được đánh giá theo chi phí nguyên liệu chính của sản phẩm trên các công đoạn sản xuất.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ trường hợp được đánh giá lại khi cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Các chi phí phát sinh (sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu) không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính gồm hệ thống chương trình phần mềm ứng dụng, hệ thống phần mềm quản lý ngành may và phần mềm máy chấm công, được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi đưa vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất là các chi phí thực tế bỏ ra (chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí san lấp mặt bằng) để có quyền sử dụng 68.540 m<sup>2</sup> đất tại Khu công nghiệp Nam Giang, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An với thời hạn sử dụng đất đến 12/11/2060. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng đất (47 năm kể từ ngày 01/8/2013).

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 0311ĐHSD/HĐMB ngày 23/02/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/2012 ngày 26/4/2012 cho thời gian thuê từ 14/3/2016 đến 14/3/2026 và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian trên 12 tháng kể từ khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

#### **4.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính không quá 10 năm kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

#### **4.13 Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Tổng công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng phải trả được thực hiện theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.17.

#### **4.14 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay và theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, một số có thời gian trả nợ hơn 12 tháng được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn, một số các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

#### **4.16 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ nhưng đến 30/6/2015 chưa chi trả do chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.17 Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả dài hạn được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi trả để tuyển dụng, đào tạo lao động và các chi phí chuẩn bị cho dự án nhà máy tại Hà Nam và Nam Đàn.

**4.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty và các công ty con.

**4.19 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.20 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn đã phát hành và khi hàng xuất ra khỏi kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, cổ tức được chia, chênh lệch tỷ giá và doanh thu tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo số tiền thực nhận từ bên chia cổ tức.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.
- Lãi bán hàng trả chậm theo thực tế phát sinh.
- Doanh thu tài chính khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

#### 4.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, phản ánh khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

#### 4.22 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán và cung cấp trong kỳ và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

#### 4.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo quy định hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.24 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển... được ghi nhận theo thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí lương bộ phận quản lý; BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...) được ghi nhận theo thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và khoản hoàn nhập quỹ tiền lương dự phòng đã trích cuối năm 2014.

**4.25 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.26 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**4.27 Các công ty liên doanh, liên kết**

Tổng công ty có các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Coffee Indochina (góp 33,40% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex (góp 28,98% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (góp 42,87% vốn điều lệ và tỷ lệ biểu quyết là 44,03%), Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh (góp 31,25% vốn điều lệ và tỷ lệ biểu quyết là 38,81%), Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex (góp 36,84% vốn điều lệ).

Tổng công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng công ty hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên doanh, liên kết sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong khoản lỗ của các công ty liên doanh, liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết thì Tổng công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ khi Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên doanh, liên kết.

**4.28 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Tổng công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.29 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Tổng công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng thuộc Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam góp 57,57% vốn điều lệ và có khả năng kiểm soát đối với Tổng công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam được coi là bên liên quan (công ty mẹ) của Tổng công ty.

Tổng công ty có các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Coffee Indochina (góp 33,40% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex (góp 28,98% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (góp 42,87% vốn điều lệ và tỷ lệ biểu quyết là 44,03%), Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh (góp 31,25% vốn điều lệ và tỷ lệ biểu quyết là 38,81%), Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex (góp 36,84% vốn điều lệ). Theo đó, các công ty này được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tổng công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Tổng công ty.

Thông tin với một số bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 37.

**5. TIỀN**

	<b>30/6/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.163.656.174	1.447.530.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.943.628.924	29.634.165.976
<b>Cộng</b>	<b>26.107.285.098</b>	<b>31.081.696.853</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>145.820.339.075</b>	<b>168.166.983.214</b>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	145.820.339.075	168.166.983.214
Trong đó. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
<i>Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex</i>	<i>3.505.814.144</i>	<i>2.813.647.941</i>
<i>Công ty CP Dệt Kim Vinatex</i>	<i>2.591.415.939</i>	<i>3.625.700.784</i>
<i>Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex</i>	<i>2.513.375.405</i>	<i>4.331.872.233</i>
<i>Công ty CP Vinatex - Hồng Lĩnh</i>	<i>27.000.000</i>	<i>8.958.051.694</i>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2015</u> VND		<u>01/01/2015</u> VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.873.131.136</b>	<b>481.131.699</b>	<b>5.278.792.295</b>	<b>481.131.699</b>
Phải thu người lao động	-	-	473.064.567	-
Phải thu khác	3.543.462.303	211.447.948	3.497.405.919	211.447.948
Dư nợ phải trả khác	-	-	129.982.275	-
Tạm ứng	329.668.833	269.683.751	1.178.339.534	269.683.751

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP)**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

MẪU SỐ B 09a - DN/DN

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Đơn vị tính: VND	
	30/6/2015 Giá trị	01/01/2015 Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết	79.547.121.278	80.316.023.957
<i>Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex</i>	<i>35.981.086.758</i>	<i>37.367.649.418</i>
<i>Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex</i>	<i>1.785.158.130</i>	<i>1.886.509.972</i>
<i>Công ty CP Dệt kim Vinatex</i>	<i>9.990.088.810</i>	<i>9.818.043.353</i>
<i>Công ty CP Vinatex - Hồng Lĩnh</i>	<i>31.205.037.580</i>	<i>30.658.071.214</i>
<i>Công ty CP Coffee Indochina</i>	<i>585.750.000</i>	<i>585.750.000</i>
Đầu tư vào đơn vị khác	45.510.000.000	45.510.000.000
<i>Công ty CP SX &amp; TM Hà Châu</i>	<i>1.510.000.000</i>	<i>1.510.000.000</i>
<i>Công ty CP Phát triển Hạ tầng công nghiệp &amp; Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam -VINATEX ITC</i>	<i>18.000.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
<i>Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Công ty CP SXKD Nguyên liệu dệt may Việt Nam</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>125.057.121.278</b>	<b>125.826.023.957</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30/6/2015 như sau:**

Tên công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ	Giá trị VND
Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	44,03%	44,03%	13.000.000.000	35.981.086.758
Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	28,98%	28,98%	4.000.000.000	1.785.158.130
Công ty CP Dệt kim Vinatex	36,84%	36,84%	38.000.000.000	9.990.088.810
Công ty CP Vinatex - Hồng Lĩnh	38,81%	38,81%	80.000.000.000	31.205.037.580
Công ty CP Coffee Indochina	33,40%	33,40%	1.544.010.000	585.750.000
<b>Cộng</b>				<b>79.547.121.278</b>

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2015 như sau:**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Số tiền VND	Số lượng	Số tiền VND
<b>Cổ phiếu</b>		<b>45.510.000.000</b>		<b>45.510.000.000</b>
Công ty CP SX & TM Hà Châu	151.000	1.510.000.000	151.000	1.510.000.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng công nghiệp & Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam - VINATEX ITC	2.088.000	18.000.000.000	2.088.000	18.000.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP SXKD Nguyên liệu dệt may Việt Nam	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	
Số dư đầu kỳ	(4.121.130.101)
Trích lập dự phòng	(92.234.197)
Hoàn nhập dự phòng	100.000.000
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(4.113.364.298)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**10. NỢ XẤU**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.433.767.961	-	4.533.767.961	-
- Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM				
<i>Thời gian quá hạn: trên 36 tháng</i>				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	2.066.662.490	-	2.166.662.490	-
- Các đối tượng khác	2.367.105.471	-	2.367.105.471	-

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	10.498.142.928	525.087.108	41.873.374.489	2.163.722.151
Nguyên liệu, vật liệu	91.584.930.295	6.504.136.448	79.193.644.458	9804748205
Công cụ, dụng cụ	1.198.269.897	87.715.789	789.516.782	87.715.789
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.128.651.916	-	27.463.668.532	-
Thành phẩm	151.603.784.340	5.969.853.379	165.621.472.612	6299541368
Hàng hoá	1.154.786.591	-	794.685.030	-
Hàng gửi đi bán	1.723.692.304	1.066.482.369	1.636.465.484	1.066.482.369
<b>Cộng</b>	<b>278.892.258.271</b>	<b>14.153.275.093</b>	<b>317.372.827.387</b>	<b>19.422.209.882</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Từ 01/01/2015  
đến 30/6/2015  
VND

Số dư đầu kỳ	(19.422.209.882)
Trích lập dự phòng	(3.651.791.718)
Hoàn nhập dự phòng	8.920.726.507
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-

Số dư cuối kỳ **(14.153.275.093)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP)**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**MẪU SỐ B 09a - DN/DN**

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ Quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	<b>366.413.222.437</b>	<b>734.877.017.249</b>	<b>24.467.120.704</b>	<b>2.209.308.782</b>	<b>1.127.966.669.172</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	82.714.758.482	137.669.323.765	10.285.009.229	1.200.636.393	231.869.727.869
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan	49.171.326.385	190.876.302.792	2.106.798.633	462.256.170	242.616.683.980
Công ty Cổ phần Thương mại Hải phòng - Hanosimex	13.627.033.902	-	5.238.590.427	226.952.915	19.092.577.244
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	-	1.227.614.981	1.277.725.390	319.463.304	2.824.803.675
Công ty Cổ phần May Halotexco	645.583.723	3.851.940.981	1.293.636.333	-	5.791.161.037
Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	220.254.519.945	266.693.873.883	3.641.449.986	-	490.589.843.814
Điều chỉnh hợp nhất	-	134.557.960.847	623.910.706	-	135.181.871.553
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	<b>65.608.797.002</b>	<b>398.743.241.873</b>	<b>15.844.706.181</b>	<b>2.145.775.222</b>	<b>482.342.520.278</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	12.326.216.321	94.031.112.807	6.934.241.725	1.148.881.554	114.440.452.407
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan	27.821.984.582	89.161.599.303	619.364.425	451.074.497	118.054.022.807
Công ty Cổ phần Thương mại Hải phòng - Hanosimex	8.293.843.824	-	3.731.310.841	226.952.915	12.252.107.580
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	-	1.097.948.935	1.137.414.663	318.866.256	2.554.229.854
Công ty Cổ phần May Halotexco	210.084.667	1.779.251.725	320.424.747	-	2.309.761.139
Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	16.956.667.608	54.565.677.138	1.829.637.991	-	73.351.982.737
Điều chỉnh hợp nhất	-	158.107.651.965	1.272.311.789	-	159.379.963.754
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	<b>300.804.425.435</b>	<b>336.133.775.376</b>	<b>8.622.414.523</b>	<b>63.533.560</b>	<b>645.624.148.894</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	70.388.542.161	43.638.210.958	3.350.767.504	51.754.839	117.429.275.462
Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan	21.349.341.803	101.714.703.489	1.487.434.208	11.181.673	124.562.661.173
Công ty Cổ phần Thương mại Hải phòng	5.333.190.078	-	1.507.279.586	-	6.840.469.664
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	-	129.666.046	140.310.727	597.048	270.573.821
Công ty Cổ phần May Halotexco	435.499.056	2.072.689.256	973.211.586	-	3.481.399.898
Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	203.297.852.337	212.128.196.745	1.811.811.995	-	417.237.861.077
Điều chỉnh hợp nhất	-	(23.549.691.118)	(648.401.083)	-	(24.198.092.201)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	116.866.223.694	482.866.173	117.349.089.867
Tại ngày 30/6/2015	116.866.223.694	482.866.173	117.349.089.867
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	5.489.252.142	410.162.173	5.899.414.315
Khấu hao trong kỳ	1.291.743.274	16.156.444	1.307.899.718
Tại ngày 30/6/2015	6.780.995.416	426.318.617	7.207.314.033
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	<u>111.376.971.552</u>	<u>72.704.000</u>	<u>111.449.675.552</u>
Tại ngày 30/6/2015	<u>110.085.228.278</u>	<u>56.547.556</u>	<u>110.141.775.834</u>

**14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	27.800.925.829
Tăng trong kỳ	1.530.327.300
Xây dựng cơ bản	1.530.327.300
Giảm trong kỳ	1.157.664.573
Kết chuyển giảm khác	1.157.664.573
Tại ngày 30 tháng 6 (*)	<u>28.173.588.556</u>
<b>(*) Chi tiết:</b>	
	<u>30/6/2015</u>
	VND
Dự án nhà máy may, sợi	27.800.925.829
Các công trình khác	372.662.727
<b>Cộng</b>	<u>28.173.588.556</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.363.130.048</b>	<b>2.731.320.028</b>
Các khoản khác	2.363.130.048	2.731.320.028
<b>Dài hạn</b>	<b>26.474.240.228</b>	<b>7.497.821.819</b>
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 0311ĐHSD/HĐMB ngày 23/02/2011	17.400.000.000	-
Các khoản khác	9.074.240.228	7.497.821.819
Lợi thế thương mại	817.268.908	880.135.748

**16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>3.859.201.141</b>	<b>11.491.866.162</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.859.201.141	11.491.866.162

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>68.935.056.442</b>	<b>129.686.364.837</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	8.290.220.921	-
TOYO COTTON (HĐ 3884 ngày 30/7/14)	8.290.220.921	-
<b>Phải trả cho các đối tượng khác</b>	<b>60.644.835.521</b>	<b>129.686.364.837</b>
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>6.279.105.132</i>	<i>-</i>
Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	1.645.960.442	-
Công ty CP Dệt kim Vinatex	4.633.144.690	-

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.651.244.236	8.011.607.263	7.375.638.699	2.287.212.800
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.292.699.121	2.292.699.121	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.356.138	27.356.138	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.050.555.134	6.626.887.286	5.033.888.693	4.643.553.727
Thuế thu nhập cá nhân	253.051.778	193.428.409	363.543.071	82.937.116
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	226.478.000	1.514.540.500	1.328.769.000	412.249.500
Các loại thuế khác	-	24.300.000	22.631.250	1.668.750
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	176.268.115	-	14.445.474	161.822.641
<b>Cộng</b>	<b>5.357.597.263</b>	<b>18.690.818.717</b>	<b>16.458.971.446</b>	<b>7.589.444.534</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2015</b> <b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>100.264.461.519</b>	<b>110.530.936.094</b>
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản hoàn thành	96.105.530.431	96.105.530.431
Chi phí phải trả khác	4.158.931.088	10.025.405.663
Trích trước chi phí tiền lương	-	4.400.000.000

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2015</b> <b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>68.294.254.601</b>	<b>48.184.074.756</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	278.712.843	-
Kinh phí công đoàn	2.528.927.942	1.885.021.146
Bảo hiểm xã hội	3.059.936.397	922.149.532
Bảo hiểm y tế	279.555.549	108.972.939
Bảo hiểm thất nghiệp	161.130.910	91.790.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	56.548.776.383	39.871.303.229
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.898.438.622	2.220.596.044
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	-
Dư có phải thu khác (TK 1388)	1.538.775.955	3.084.241.366

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<b>Từ 01/01/2015</b> <b>đến 30/6/2015</b> <b>VND</b>
<b>Dài hạn</b>	
Số dư đầu kỳ	119.291.005.625
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	1.188.408.716
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>118.102.596.909</b>

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2015</b> <b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>563.005.506.448</b>	<b>513.807.458.455</b>
Các khoản vay	563.005.506.448	513.807.458.455
<b>Dài hạn</b>	<b>255.068.080.885</b>	<b>256.968.707.751</b>
Các khoản vay	255.068.080.885	256.968.707.751

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP)**

**MẪU SỐ B 09a - DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

	01/01/2015		Trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>513.807.458.455</b>	<b>513.807.458.455</b>	<b>914.542.092.956</b>	<b>865.344.044.963</b>	<b>563.005.506.448</b>	<b>563.005.506.448</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	103.792.189.917	103.792.189.917	303.748.831.515	190.680.683.301	216.860.338.131	216.860.338.131
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội	57.882.243.010	57.882.243.010	57.124.077.770	55.035.648.712	59.970.672.068	59.970.672.068
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	106.377.288.045	106.377.288.045	164.972.812.562	261.113.469.184	10.236.631.423	10.236.631.423
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	12.564.367.796	12.564.367.796	25.289.467.430	12.637.857.384	25.215.977.842	25.215.977.842
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam	-	-	38.792.818.865	-	38.792.818.865	38.792.818.865
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	8.160.000.000	8.160.000.000	1.962.413.265	4.080.000.000	6.042.413.265	6.042.413.265
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	14.623.246.400	14.623.246.400	9.887.579.600	7.162.862.000	17.347.964.000	17.347.964.000
Ngân hàng TMCP Công thương Bến Thủy	113.560.515.314	113.560.515.314	197.844.314.713	222.339.621.085	89.065.208.942	89.065.208.942
Ngân hàng TMCP Quân đội	39.955.396.488	39.955.396.488	46.811.302.956	56.175.693.406	30.591.006.038	30.591.006.038
Chi nhánh Ngân hàng Indovina Hà Nội	27.773.474.975	27.773.474.975	41.624.619.226	26.570.016.283	42.828.077.918	42.828.077.918
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP Hà Nội	12.575.701.226	12.575.701.226	21.177.547.282	17.682.000.159	16.071.248.349	16.071.248.349
Công ty CP may Đông Mỹ Hanosimex	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cán bộ công nhân viên Công ty CP Thời trang Hanosimex	4.870.000.000	4.870.000.000	-	-	4.870.000.000	4.870.000.000
Vay cá nhân khác	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
Ông Nguyễn Hữu Khôi	900.000.000	900.000.000	-	700.000.000	200.000.000	200.000.000
Cán bộ công nhân viên Công ty CP Thương mại Hải Phòng - Hanosimex	827.160.000	827.160.000	-	67.300.000	759.860.000	759.860.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP Vinh	945.875.284	945.875.284	5.306.307.772	5.098.893.449	1.153.289.607	1.153.289.607

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP)**

**MẪU SỐ B 09a - DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

	01/01/2015 VND		Trong kỳ VND		30/6/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>256.968.707.751</b>	<b>256.968.707.751</b>	<b>38.053.611.238</b>	<b>39.954.238.104</b>	<b>255.068.080.885</b>	<b>255.068.080.885</b>
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội [1]	49.028.563.046	49.028.563.046	16.990.651.658	28.348.592.839	37.670.621.865	37.670.621.865
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên [2]	1.962.413.265	1.962.413.265	-	1.962.413.265	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình [3]	166.328.434.865	166.328.434.865	3.504.558.124	9.643.232.000	160.189.760.989	160.189.760.989
Công ty Cổ phần SX & TM Hà Châu	453.000.000	453.000.000	-	-	453.000.000	453.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Bến Thủy [4]	9.702.846.458	9.702.846.458	-	-	9.702.846.458	9.702.846.458
Chi nhánh Ngân hàng Indovina Hà Nội [5]	9.298.126.584	9.298.126.584	-	-	9.298.126.584	9.298.126.584
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An [6]	17.695.323.533	17.695.323.533	17.558.401.456	-	35.253.724.989	35.253.724.989
Ông Nguyễn Hữu Khôi [7]	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**[1]: Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội với 04 hợp đồng sau:**

**1.a. Hợp đồng tín dụng số 2067/IVB-HĐTH/2013 ngày 21/6/2013**

Số tiền cho vay	: 384.000,00 USD.
Thời hạn cho vay	: 5 năm kể từ ngày 25/6/2013.
Lãi suất cho vay	: Được xác định vào ngày giải ngân căn cứ và tình hình thị trường tiền tệ thực tế tại thời điểm đó.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất vay hiện hành.
Mục đích	: Mua máy móc thiết bị phục vụ dự án Đầu tư chiều sâu nâng cấp nhà máy sợi Bắc Ninh.
Hình thức đảm bảo	: Toàn bộ máy móc thiết bị được Ngân hàng tài trợ một phần với tổng giá trị ước tính là 10.158.885.100 VND, được liệt kê chi tiết theo biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 10/06/2013, được chứng minh bởi Hợp đồng thế chấp số 2048/IVB-HĐTC-TSHTTVV/2013 ngày 21/06/2013.

**Khoản vay dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.325.109.489
Trong năm thứ hai	1.662.554.744
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.663.125.948
Sau năm năm	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	3.325.109.489
Số phải trả sau 12 tháng	3.325.680.692

**1.b. Hợp đồng tín dụng số 2029/IVB-HĐDH/2013 ngày 05/4/2013**

Số tiền cho vay	: 35.000.000.000 VND.
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất cho vay	: được xác định vào ngày giải ngân căn cứ và tình hình thị trường tiền tệ thực tế tại thời điểm đó.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất vay hiện hành.
Mục đích	: Mua máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội - địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Giang, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
Hình thức đảm bảo	: Toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị được xây dựng và lắp đặt tại Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại Nam Đàn.

**Khoản vay dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	9.552.084.500
Trong năm thứ hai	5.458.334.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	15.718.607.173
Sau năm năm	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	9.552.084.500
Số phải trả sau 12 tháng	21.176.941.173

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1.c. Hợp đồng tín dụng số 2053/TVB-CR/2015 ngày 22/6/2015**

Số tiền cho vay	: 16.500.000.000 VND.
Thời hạn cho vay	: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất cho vay	: Lãi suất thả nổi
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất vay hiện hành.
Mục đích	: Tài trợ 1 phần tiền thuê tài sản từ Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt theo Hợp đồng thuê cơ sở Hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ngày 23/2/2011 và phụ lục số 1/2012 ngày 26/4/2012.

Khoản vay dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.294.124.700
Trong năm thứ hai	3.292.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.876.000.000
Sau năm năm	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	3.294.124.700
Số phải trả sau 12 tháng	13.168.000.000

**1.d. Hợp đồng tín dụng số 2036/TVB-HĐTH/2011 ngày 18/4/2011**

Số tiền cho vay	: 2.500.000,00 USD.
Thời hạn cho vay	: 05 năm.
Lãi suất cho vay	: Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 6% cho 360 ngày; mức lãi suất cho vay sẽ được xem xét điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng Indovina căn cứ vào tình hình chung của thị trường tiền tệ theo từng thời kỳ.
Mục đích	: Thanh toán một phần tiền thuê tài sản từ Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ký ngày 23/02/2011 giữa Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt.
Hình thức đảm bảo	: Toàn bộ các quyền phát sinh từ Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ký ngày 23/02/2011 giữa Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt. <i>Bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyền thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Sợi Kinh Bắc, KM12, đường Quốc lộ 18, Xã Việt Hùng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị số 0311ĐHSD/HĐMB ký kết ngày 23/02/2011 giữa Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội và Công ty TNHH Dệt và Sợi Ý Việt.</li><li>- Toàn bộ các quyền, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị không hạn chế bởi: quyền khai thác, quyền chuyển nhượng, quyền cho thuê lại, cho mượn, quyền được bồi thường, quyền được hoàn trả tiền thuê.</li></ul>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Tất cả các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Bên thế chấp nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến, và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hay thay thế cho bất kỳ quyền và tài sản nào được đề cập như trên.

**Khoản vay dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	19.467.867.650
Trong năm thứ hai	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-
Sau năm năm	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	19.467.867.650
Số phải trả sau 12 tháng	-

[2] Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên với hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 06/2004/HĐTD ngày 20/4/2004 và Hợp đồng sửa đổi số 07/2007/HĐTD ngày 22/5/2007:

- Số tiền cho vay : 90.000.000.000 VND.  
Thời hạn cho vay : 12 năm kể từ ngày 20/4/2004.  
Thời hạn trả nợ gốc : 9 năm kể từ tháng 5/2007.  
Mục đích : Đầu tư mua sắm thiết bị và xây lắp của phần dệt nhuộm (giai đoạn I) của dự án xây dựng Nhà máy dệt kim Khu công nghiệp Phố Nối B - Hưng Yên theo đúng dự án đầu tư được phê duyệt.  
Lãi suất cho vay : Đối với các khoản giải ngân trước ngày 01/01/2007: mỗi lần giải ngân 50% số vốn vay được áp dụng lãi suất 3%/năm, 50% số vốn vay còn lại áp dụng lãi suất 5,4%/năm.  
Đối với số vốn vay thuộc kế hoạch năm 2007 trở đi: lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm.  
Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản bao gồm các tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 08/2007/HĐTCTS-TL ngày 06/6/2007.

**Khoản vay dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	6.042.413.265
Trong năm thứ hai	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-
Sau năm năm	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	6.042.413.265
Số phải trả sau 12 tháng	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- [3] Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ-Hanam-BĐ ký ngày 21/12/2012:**
- Số tiền cho vay : 6.629.832.162 VND.  
: 8.520.126,99 USD.
- Thời hạn cho vay : Theo lịch trả nợ, chậm nhất không quá ngày 24/12/2020.
- Mục đích : Thực hiện dự án nhà máy kéo sợi và dệt may tại Khu công nghiệp Đồng Văn II, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
- Lãi suất cho vay : Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng là 11%/năm đối với VND và 6,8%/năm đối với USD. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất vay trong hạn.
- Hình thức đảm bảo : Bên vay đảm bảo rằng Bên Cho Vay được ghi tên trong tất cả các hợp đồng bảo hiểm rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp dự án nhà máy kéo sợi và dệt may tại Khu công nghiệp Đồng Văn II với tư cách là bên nhận tiền bảo hiểm đầu tiên.

Khoản vay dài hạn trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	17.347.964.000
Trong năm thứ hai	25.836.964.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	134.352.796.989
Sau năm năm	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	17.347.964.000
Số phải trả sau 12 tháng	160.189.760.989

**[4] Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Bến Thủy là Khoản vay dài hạn đầu tư mở rộng nhà máy sợi của Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDDA/NHCT442-Hoang Thi Loan ngày 20/9/2014:**

- Mục đích vay : Dùng để thanh toán nợ của dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy sợi" tại Công ty Cổ phần tài chính Dệt may Việt Nam theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐKT ngày 28/5/2012.
- Số tiền cho vay tối đa : 17.558.000.000 VND.
- Thời hạn vay : Kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết 25/5/2017.
- Lãi suất vay : Theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm.
- Thời hạn trả lãi vay : Thanh toán lãi định kỳ 01 tháng 01 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất quá hạn : Bằng 50% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Tài sản thế chấp : Theo các hợp đồng bảo lãnh/hợp đồng bảo đảm Công ty ký kết với ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**[5] Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Indovina Hà Nội là khoản vay trung hạn đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy Sợi theo Hợp đồng tín dụng số 2075/TVB-HĐTH/2013 ngày 26/6/2013:**

Mục đích vay	: Tài trợ 1 phần chi phí mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng mới cho " Dự án đầu tư chiều sâu và tăng năng lực sản xuất nhà máy sợi OE và sợi nổi cọc" của Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan.
Số tiền cho vay	: 827.800,00 USD.
Thời hạn vay	: 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất vay	: Lãi suất áp dụng cho khoản vay sẽ được xác định vào ngày giải ngân căn cứ vào tình hình thị trường thực tế tại thời điểm đó. Lãi suất áp dụng trong giai đoạn hiện nay: 6% cho 360 ngày.
Thời hạn trả lãi vay	: Trả lãi vay vào cuối mỗi tháng.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất vay hiện hành.
Tài sản thế chấp	: Hợp đồng thế chấp số 2076/TVB-HĐTC-TSHTTVV/2013 ngày 26/6/2013.

**[6] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để tài trợ dự án đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất nhà máy sợi theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2014/4768856/HĐTD ngày 22/5/2014:**

Mục đích vay	: Tài trợ dự án đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất nhà máy sợi.
Số tiền cho vay	: 2.003.233 USD.
Thời hạn vay	: 128 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn trả nợ gốc được tính từ thời điểm nhận đủ số tiền cho vay.
Lãi suất vay	: Lãi suất được áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV Nghệ An + biên độ tối thiểu 3,5%/năm.
Thời hạn trả lãi vay	: Trả lãi vay 03 tháng 01 lần kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.
Lãi suất quá hạn	: 130% lãi suất trong hạn.
Tài sản thế chấp	: Theo các hợp đồng thế chấp Công ty ký kết với ngân hàng.

**[7] Khoản vay Ông Nguyễn Hữu Khôi theo hợp đồng vay vốn số 02/2014/HĐ/HANOSIMEX-NHK ngày 16/12/2014:**

Tổng dư nợ vay	: 2.500.000.000 VND
Mục đích vay	: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	: 30 tháng kể từ ngày giải ngân
Lãi suất vay	: 10%/năm
Thời điểm thu lãi	: Trả theo tháng vào 10 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo
Trả nợ gốc	: Bắt đầu từ tháng thứ 13 kể từ ngày giải ngân và trả số tiền gốc vay tối thiểu 150.000.000 VND/tháng
Lãi suất phạt	: 150% lãi suất cho vay
Tài sản thế chấp	: Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI210205 cấp ngày 03/01/2008 của Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH
	1	2	3
Tại ngày 01/01/2015	205.000.000.000	28.554.048.479	2.537.523.184
Tăng trong kỳ	-	5.674.000.000	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Điều chỉnh ảnh hưởng hợp nhất	-	2.855.222.085	-
Tại ngày 30/6/2015	205.000.000.000	37.083.270.564	2.537.523.184

**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2015		01/01/2015	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	118.018.500.000	118.018.500.000	118.018.500.000	118.018.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	86.981.500.000	86.981.500.000	86.981.500.000	86.981.500.000
<b>Cộng</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>205.000.000.000</b>	<b>205.000.000.000</b>

**CỔ PHIẾU**

	30/6/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	20.500.000	20.500.000
Cổ phiếu phổ thông	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.500.000	20.500.000
Cổ phiếu phổ thông	20.500.000	20.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 30/6 của công ty mẹ trước hợp nhất	27.861.796.891
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 30/6 của công ty con trước hợp nhất	(33.625.407.317)
Thay đổi lợi nhuận trong kỳ khi hợp nhất	35.304.259.074
<b>Cộng</b>	<b><u>29.540.648.648</u></b>

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngoại tệ các loại	<b>30/6/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	817,20	1.192,77
Đô la Mỹ (USD)	105.128,27	160.028,53

**25. DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>737.618.941.862</b>	<b>814.995.637.781</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	721.532.285.259	740.152.158.626
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.021.597.070	74.843.479.155
Doanh thu khác	11.065.059.533	-
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan:</i>		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	2.072.727	
Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	795.777.105	
Công ty CP Dệt kim Vinatex	13.809.987.812	
Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	14.986.201.326	
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>5.991.175.593</b>	<b>5.274.059.740</b>
Chiết khấu thương mại	5.988.902.335	5.186.776.547
Giảm giá hàng bán	2.273.258	79.792.284
Hàng bán bị trả lại	-	7.490.909
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>731.627.766.269</u></b>	<b><u>809.721.578.041</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	627.002.008.442	649.009.374.878
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.851.915.083	68.868.010.248
Giá vốn hoạt động khác	9.430.548.792	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.568.934.789)	-
<b>Cộng</b>	<b>634.715.537.528</b>	<b>717.877.385.126</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	987.481.823	436.853.677
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	1.581.701.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.781.267.352	1.369.189.345
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	54.644.107	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	683.194.092
<b>Cộng</b>	<b>2.853.393.282</b>	<b>4.070.938.114</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền vay	14.421.503.118	22.757.222.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.598.310.493	3.140.909.491
<b>Cộng</b>	<b>27.019.813.611</b>	<b>25.898.131.825</b>

**29. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu tiền đền bù di dời	10.000.000.000
Các khoản khác	922.634.406
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10.922.634.406</b>
Chi phí di dời	7.551.091.618
Các khoản bị phạt	4.369.364
Chi khác	25.562.473
<b>Chi phí khác</b>	<b>7.581.023.455</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.341.610.951</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	286.979.271.132
Chi phí nhân công	119.917.581.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.713.083.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.630.870.102
Chi phí khác	14.311.447.655
Chi phí dự phòng	(20.547.202.900)
<b>Cộng</b>	<b>496.005.051.028</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Công ty mẹ	5.075.111.783
Công ty con	1.551.775.503
	<b>6.626.887.286</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi/lỗ trong các giao dịch nội bộ	235.947.831
	<b>235.947.831</b>

**33. LÃI (CƠ BẢN/SUY GIẢM) TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.162.706.185	11.073.075.786
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	24.162.706.185	11.073.075.786
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	20.500.000	20.500.000
Lãi (cơ bản/suy giảm) trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)	1.179	540

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 30/6/2015 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

**35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành 02 bộ phận hoạt động: bộ phận may mặc, bộ phận cung cấp dịch vụ. Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 02 bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động may mặc: sản xuất, bán sợi, hàng may mặc và các nguyên vật liệu, phụ tùng đi kèm;

Bộ phận dịch vụ và khác hoạt động khác: cho thuê tài sản, chuyển giao các công trình xây dựng, bán phế liệu, vận tải...;

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty như sau:

**Kỳ kế toán 01/01/2015 đến 30/6/2015:**

**Báo cáo kết quả kinh doanh từ 01/01/2015 đến 30/6/2015:**

	<b>Hoạt động may mặc</b>	<b>Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác</b>	<b>Đơn vị tính : VND Cộng</b>
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	715.541.109.666	16.086.656.603	731.627.766.269
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>715.541.109.666</b>	<b>16.086.656.603</b>	<b>731.627.766.269</b>
Giá vốn hàng bán	620.433.073.653	14.282.463.875	634.715.537.528
Chi phí không phân bổ			44.442.471.525
Doanh thu hoạt động tài chính			2.853.393.282
Chi phí tài chính			27.019.813.611
Lãi (lỗ) khác			4.707.921.685
Lợi nhuận trước thuế			33.011.258.572
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			6.862.835.117
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>26.148.423.455</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Bảng cân đối kế toán tại 30/6/2015**

	<u>Hoạt động may mặc</u>	<u>Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác</u>	Đơn vị tính : VND <b>Cộng</b>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	239.611.685.234	44.738.320.797	284.350.006.031
Tài sản không phân bổ			1.270.488.975.903
<b>Cộng</b>			<u><u>1.554.838.981.934</u></u>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ			1.255.489.008.645
<b>Cộng</b>			<u><u>1.255.489.008.645</u></u>

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.28.

	<u>Giá trị ghi sổ 30/6/2015 VND</u>	<u>Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.107.285.098	69.081.696.853
Phải thu của khách hàng	145.820.339.075	168.166.983.214
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	3.543.462.303	3.208.781.253
<b>Cộng</b>	<u><u>248.471.086.476</u></u>	<u><u>240.457.461.320</u></u>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	68.935.056.442	129.686.364.837
Chi phí phải trả	100.264.461.519	8.352.458.675
Phải trả khác	61.985.990.960	142.735.383.507
Vay và nợ thuê tài chính	818.073.587.333	770.776.166.206
<b>Cộng</b>	<u><u>1.049.259.096.254</u></u>	<u><u>1.051.550.373.225</u></u>

Tổng công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Tổng công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tổng công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tổng công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Tổng công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) và Đồng tiền chung châu Âu (EUR) vì các giao dịch mua hàng lớn đều bằng USD và EUR.

Rủi ro tiền tệ của Tổng công ty đối với USD và EUR như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính	53.311.547.153	75.621.736.372
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.318.830.623	3.451.208.368
Phải thu khách hàng	50.992.716.530	72.170.528.004
Nợ tài chính	733.297.022.894	769.462.337.093
Phải trả người bán	17.539.479.375	95.428.249.856
Vay và nợ thuê tài chính	715.757.543.519	674.034.087.237
(Nợ)/Tài sản tài chính thuần	(679.985.475.741)	(693.840.600.721)
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>(679.985.475.741)</u>	<u>(693.840.600.721)</u>

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 30/6/2015, lãi suất của các khoản vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ và lãi suất thả nổi, do đó, Tổng công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Tổng công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Tổng công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tổng công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	230.585.493
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-
Quá hạn từ 03 năm trở lên	4.203.182.468
<b>Cộng</b>	<b><u>4.433.767.961</u></b>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên hầu hết đã được Tổng công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Tổng công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

- **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 01 năm VND	Trên 01 năm VND
<b>Tại 30/6/2015</b>		
Phải trả người bán	68.935.056.442	-
Chi phí phải trả	100.264.461.519	-
Phải trả khác	61.985.990.960	-
Vay và nợ thuê tài chính	563.005.506.448	255.068.080.885
<b>Cộng</b>	<b><u>794.191.015.369</u></b>	<b><u>255.068.080.885</u></b>
<b>Tại 01/01/2015</b>		
Phải trả người bán	129.686.364.837	-
Chi phí phải trả	8.352.458.675	-
Phải trả khác	142.735.383.507	-
Vay và nợ thuê tài chính	513.807.458.455	256.968.707.751
<b>Cộng</b>	<b><u>794.581.665.474</u></b>	<b><u>256.968.707.751</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**37. THÔNG TIN VỚI MỘT SỐ BÊN LIÊN QUAN**

*Các giao dịch sau với bên liên quan*

	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex</b>	
Bán hàng và cho thuê tài sản	15.190.986.593
Thu tiền bán hàng	3.041.347.902
Mua hàng và thuê gia công	32.065.450.959
Trả tiền mua hàng	14.248.382.733
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	13.183.923.536
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>	
Bán vật tư và sản phẩm	875.354.816
Mua hàng và thuê gia công	5.688.353.353
Trả tiền	1.382.941.267
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	34.400.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	2.659.451.644
Cổ tức phải thu	185.440.000
Cổ tức đã thu	185.440.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex</b>	
Bán vật tư hàng hóa	16.484.821.461
Thu tiền bán hàng	15.792.655.258
Cổ tức phải thu	835.977.000
Cổ tức đã thu	835.977.000
<b>Công ty Cổ phần Vinatex - Hồng Lĩnh</b>	
Thu tiền bán hàng	6.844.735.942
Lãi tiền vay	27.000.000
Cho vay	5.018.494.836
Thu tiền vay	2.018.494.836
<b>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>	
Hàng mẫu không thu tiền	2.280.000
Chi phí quảng cáo	33.000.000
Trả tiền chi phí quảng cáo	33.000.000
Phải thu khác tiền vé máy bay	6.474.000
Tiền vé máy bay đã thu	6.474.000
Cổ tức phải trả	11.802.600.000
Cổ tức đã trả	4.910.783.159
Thanh toán khoản công nợ bàn giao từ Công ty Dệt Nhuộm Yên Mỹ	1.971.216.842

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP) MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Số dư với bên liên quan**

	<b>Tại 30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>Tại 01/01/2015</b> <b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex</b>		
Phải thu	2.591.415.939	3.625.700.784
Vốn góp đầu tư	14.000.000.000	14.000.000.000
Phải trả	4.633.144.690	-
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>		
Phải thu	2.513.375.405	4.331.872.233
Vốn góp đầu tư	1.319.953.370	1.319.953.370
Phải trả	1.645.960.442	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex</b>		
Phải thu	3.505.814.144	2.813.647.941
Vốn góp đầu tư	6.303.594.560	6.303.594.560
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</b>		
Phải thu	27.000.000	6.844.735.942
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-
Vốn góp đầu tư	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cố tức phải trả	46.218.056.841	39.326.240.000
Vốn góp đầu tư	118.018.500.000	118.018.500.000
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>		<b>Từ 01/01/2015</b> <b>đến 30/6/2015</b> <b>VND</b>
Lương và thù lao		556.357.103

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 của Tổng công ty chưa được soát xét.

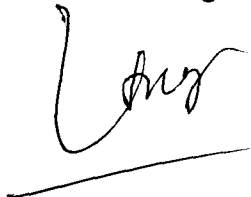
Số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của kỳ kế toán hiện hành do Công ty áp dụng của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Người lập biểu



**Đỗ Minh Sơn**

Kế toán trưởng



**Lê Thị Thu Hương**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Song Hải**